TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI** Bản án số: 24/2024/HC-ST Ngày: 19 - 6 - 2024 V/v khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Mai Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Bá Lân

2. Ông Trần Hoài Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tống Thanh Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Yến - Kiểm sát viên.

Vào ngày 19 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 84/2023/TLST-HC ngày 24/11/2023 về việc: *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2024/QĐXXST-HC ngày 03/4/2024, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Trần P, sinh năm: 1950. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn X, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch UBND huyện N.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc T - Phó Chủ tịch UBND huyện N. Theo Văn bản ủy quyền số 866/QĐ-UBND ngày 15/3/2024. Có mặt.

Địa chỉ: Thị trấn C, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1 Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Nhật V - Giám đốc Trung tâm

phát triển quỹ đất tỉnh Q.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Xuân K - Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Q. Theo Văn bản ủy quyền số 256/UQ-TTPTQĐ ngày 25/4/2024. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: E Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

3.2 Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Thanh L - Chủ tịch UBND xã H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Văn D - Phó Chủ tịch UBND xã H. Theo Văn bản ủy quyền lập ngày 20/5/2024. Có mặt.

Địa chỉ trụ sở: Xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

3.3 Ông Trần T1, sinh năm: 1974. Có mặt.

3.4 Bà Trần Thị Đ, sinh năm: 1982. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn X, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

3.5 Ông Trần C, sinh năm: 1976. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ C, khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

3.6 Ông Trần Bá H, sinh năm: 1985. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ E, khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên toà người khởi kiện trình bày:*

Về nguồn gốc đất, nguyên trước năm 1993, hộ gia đình của ông có 06 nhân khẩu, gồm: vợ là Nguyễn Thị H1 (đã chết) làm chủ hộ và chồng, các con: Trần P, Trần T1, Trần C, Trần Thị Đ, Trần Bá H.

Khi chia đất theo Nghị định 64/CP của Chính phủ, hộ Nguyễn Thị H1 (bà H1 đã chết vào năm 2010) có 06 nhân khẩu, được xét cấp 2.584m^2 đất lúa và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ Nguyễn Thị H1 (chủ hộ).

Sau khi vợ ông lâm bệnh chết, nên từ đó sổ hộ khẩu được chuyển cho ông làm chủ hộ; các con ông cũng lập gia đình và tách khẩu thành hộ riêng. Riêng con trai trưởng Trần T1 cũng lập gia đình, tách hộ khẩu riêng nhưng vợ chồng, con cái vẫn ở chung tại nhà cũ với ông và trực tiếp canh tác trên tất cả các thửa đất ruộng của gia đình mà năm 1997 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vì ông cũng đã lớn tuổi chỉ phụ giúp con trai Trần T1 chăm sóc, thu hoạch từ trước đến nay.

Đến năm 2015, theo hướng dẫn của Nhà nước nên ông đã làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ hộ bà Nguyễn Thị H1 sang hộ ông Trần P, lúc này trong hộ không còn ai chung hộ khẩu nữa.

Đến năm 2022-2023, Nhà nước thu hồi đất của gia đình ông để làm Dự án Cao tốc, gia đình hoàn toàn hoan nghênh và đồng ý chủ trương của Nhà nước thu hồi đất làm công trình công cộng phục vụ lợi ích chung. Nhưng UBND huyện N có Quyết định 2246/QĐ-UBND ngày 11/5/2023, thu hồi đất của hộ ông Trần P, với diện tích 514,2m^2, thuộc thửa đất số 521, tờ bản đồ địa chính số 3, xã H, loại đất LUC và Quyết định số 2342/QĐ-UBND, ngày 11/5/2023 phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Trần P, với tổng số tiền 24.242.370 đồng (bồi thường đất 21.617.400 đồng với đơn giá 42.000 đồng/m^2 và bồi thường cây lúa 2.624.970 đồng), hoàn toàn không hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là không thỏa đáng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi ích hợp pháp của hộ gia đình ông, trong đó có con trai là Trần T1 là thành viên trong hộ đang trực tiếp sản xuất trên thửa đất, có nguồn thu nhập sống từ sản xuất đất nông nghiệp mà không được hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, hỗ trợ ổn định đời sống.

Khoản 29 Điều 3 Luật Đất đai năm 2013 quy định: Hộ gia đình sử dụng đất là những người có quan hệ hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, đang sống chung và có quyền sử dụng đất chung tại thời điểm được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất; nhận chuyển quyền sử dụng đất.

Điều 212 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định Sở hữu chung của các thành viên gia đình: 1. Tài sản của các thành viên gia đình cùng sống chung gồm tài sản do các thành viên đóng góp, cùng nhau tạo lập nên và những tài sản khác được xác lập quyền sở hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung của các thành viên gia đình được thực hiện theo phương thức thỏa thuận. Trường hợp định đoạt tài sản là bất động sản, động sản có đăng ký, tài sản là nguồn thu nhập chủ yếu của gia đình phải có sự thỏa thuận của tất cả thành viên gia đình là người thành niên có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, trừ trường hợp luật có quy định khác.

Khoản 1 Điều 20 Nghị định 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp: 1. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 19 của Nghị định này (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà được bồi thường bằng tiền thì ngoài việc được bồi thường bằng tiền đối với diện tích đất nông nghiệp thu hồi còn được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định sau đây: a) Hỗ trợ bằng tiền không quá 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi; diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương. b) Mức hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định căn cứ điều kiện thực tế của địa phương.

Điều 15 quy định kèm theo Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Điều 3 Thông tư 33/2017/TT-BTNMT: 1. Việc xác nhận hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp được thực hiện trong các trường hợp sau đây: a) Giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân theo quy định tại Điều 54 của Luật Đất đai; b) Đăng ký nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho quyền sử dụng đất trồng lúa của hộ gia đình, cá nhân; c) Công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân; d) Thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân mà cần xác định đối tượng được bồi thường, hỗ trợ. 2. Các căn cứ để xác định cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp: a) Đang sử dụng đất nông nghiệp do được Nhà nước giao, cho thuê, công nhận quyền sử dụng đất; do nhận chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất; đang sử dụng đất nông nghiệp mà chưa được Nhà nước công nhận; b) Không thuộc đối tượng được hưởng lương thường xuyên; đối tượng đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp xã hội; c) Có nguồn thu nhập thường xuyên từ sản xuất nông nghiệp trên diện tích đất đang sử dụng quy định tại Điểm a Khoản này, kể cả trường hợp không có thu nhập thường xuyên vì lý do thiên tai, thảm họa môi trường, hỏa hoạn, dịch bệnh; d) Trường hợp giao đất nông nghiệp cho cá nhân theo quy định tại Điều 54 của Luật Đất đai, đăng ký nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho quyền sử dụng đất trồng lúa của cá nhân thì chỉ căn cứ quy định tại Điểm b Khoản này. 3. Căn cứ xác định hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp: a) Đang sử dụng đất nông nghiệp do được Nhà nước giao, cho thuê, công nhận quyền sử dụng đất; do nhận chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất; đang sử dụng đất nông nghiệp mà chưa được Nhà nước công nhận; b) Có ít nhất một thành viên của hộ gia đình không thuộc đối tượng được hưởng lương thường xuyên; đối tượng đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp xã hội; c) có nguồn thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên diện tích đất đang sử dụng tại Điểm a Khoản này, kể cả trường hợp không có thu nhập thường xuyên vì lý do thiên tai, thảm họa môi trường, hỏa hoạn, dịch bệnh; d) Trường hợp giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình theo quy định tại Điều 54 của Luật Đất đai, đăng ký nhận chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất trồng lúa của hộ gia đình thì chỉ căn cứ quy định tại Điểm b khoản này.

Như vậy, toàn bộ diện tích 514,2m^2 thuộc thửa đất số 521, tờ bản đồ địa chính số 3, xã H, loại đất LUC mà UBND huyện N thu hồi tại Quyết định số 2246/QĐ-UBND ngày 10/5/2023 có nguồn gốc là đất được cân đối giao theo Nghị định 64/CP của Chính phủ cho hộ Nguyễn Thị H1 làm chủ hộ và các nhân khẩu: Trần P, Trần T1, Trần C, Trần Thị Đ, Trần Bá H (tổng cộng có 06 nhân khẩu), nên được xét cấp 2.584m^2 đất lúa và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ Nguyễn Thị H1 (chủ hộ). Diện tích 514,2m^2 đất nêu trên là quyền sử dụng đất chung tại thời điểm được Nhà nước giao đất (năm 1997) của hộ Nguyễn Thị H1 (vợ ông). Không phải của riêng cá nhân ông Trần P hay hộ Trần P hiện nay (chỉ có 01 khẩu). Trong hộ Nguyễn Thị H1 từ năm 1997 đến nay có nhân khẩu ông Trần T1 đang ăn chung, ở chung nhà, là khẩu nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn

định từ sản xuất nông nghiệp, được UBND xã H xác nhận tại Công văn 123/UBND ngày 24/10/2022.

Do đó, theo đúng các quy định nêu trên và các quy định khác của pháp luật có liên quan thì UBND huyện N phải hỗ trợ ổn định đời sống cho tất cả các thành viên của hộ ông Trần P có chung quyền sử dụng đất và hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm trên toàn bộ diện tích đất đã thu hồi vì trong hộ có quyền sử dụng đất chung tại thời điểm được Nhà nước giao đất có nhân khẩu Trần T1 là khẩu nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp, được UBND xã H xác nhận.

Từ việc trình bày ở trên, ông yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi giải quyết:

- Hủy một phần Quyết định số 2342/QĐ-UBND ngày 11/5/2023 của UBND huyện N về phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Trần P, thường trú thôn X, xã H để thực hiện Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - H, đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021 - 2025, đoạn qua xã H, huyện N (phương án đợt 10); cụ thể hủy tiểu mục 1 mục II phần A và phần D của bảng kê chi tiết giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư kèm theo Quyết định số 2342/QĐ-UBND ngày 11/5/2023 của UBND huyện N.

- Buộc UBND huyện N phải thực hiện nhiện vụ công vụ ban hành quyết định hành chính về phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Trần P, đối với phần hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo đúng quy định của pháp luật.

**Tại Văn bản số 522/UBND ngày 14/3/2024, văn bản số 1096/UBND ngày 21/5/2024, người bị kiện UBND huyện N trình bày:*

Thửa đất số 521, tờ bản đồ số 3, xã H có nguồn gốc được cân đối theo Nghị định 64/CP cho bà Nguyễn Thị H1 (vợ ông Trần P); thời điểm cân đối hộ ông Trần P có 06 khẩu, gồm: bà Nguyễn Thị H1, ông Trần P, ông Trần T1, ông Trần C, bà Trần Thị Đ, ông Trần Bá H. Tổng diện tích đất nông nghiệp được cân đối theo Nghị định 64/CP của hộ bà Nguyễn Thị H1 là 3.750m^2. Sau khi cân đối theo Nghị định 64/CP, thửa đất 521 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số thửa 632, tờ bản đồ số 8, xã H, loại đất lúa, diện tích 600m^2.

Thực hiện dự án VLAP hộ ông Trần P được Sở T2 tỉnh cấp đổi giấy chứng nhận QSDĐ có số CS 06916, cấp ngày 30/3/2015, đối với thửa đất số 521, tờ bản đồ số 23, diện tích 644,8m^2, đất LUC.

Năm 2022, thực hiện dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - H thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - N, phía Đông giai đoạn 2021 - 2025 qua địa bàn xã H, huyện N, thửa đất số 521, tờ bản đồ số 3, diện tích 644,8m^2, đất LUC, bị thu hồi 514,7m^2, diện tích còn lại là 130,1m^2. UBND huyện N ban hành

Quyết định số 2217/QĐ-UBND ngày 10/5/2023 về phê duyệt phương án, dự toán bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (Phương án đợt 10) và ban hành Quyết định số 2246/QĐ-UBND ngày 10/5/2023 để thu hồi đất của hộ ông Trần P, diện tích thu hồi 514,7m^2, diện tích còn lại là 130,1m^2.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định 47/2014/NĐ-CP tại Điều 15 Quyết định 75/2021/QĐ-UBND của UBND tỉnh Q thì việc hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề chỉ được thực hiện đối với hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp; UBND xã H xác nhận ông Trần P là hộ độc lập, cán bộ hưu trí đang hưởng lương tại Công văn số 123/UBND ngày 24/10/2022 nên không được hỗ trợ theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ T3.

Căn cứ quy định trên, UBND huyện N phê duyệt phương án bồi thường tại Quyết định số 2217/QĐ-UBND ngày 10/5/2023; Ban hành Quyết định phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Trần P tại Quyết định số 2342/QĐ-UBND ngày 11/5/2023 là 24.242.370 đồng; không tính hỗ trợ đối với phần hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm là đúng quy định pháp luật.

** Tại Văn bản số 02/UBND ngày 09/01/2024, Văn bản số 71/UBND ngày 07/5/2024, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND xã H trình bày:*

Về nguồn gốc sử dụng đất: Cân đối theo Nghị định 64/CP, thửa đất số 632, tờ bản đồ số 8, xã H, loại đất lúa, diện tích 600m^2. Dự án VLAP đo đạc theo bản đồ năm 2014 nay thành thửa đất số 521, tờ bản đồ số 23, diện tích 644,8m^2. Thời điểm cân đối theo Nghị định 64/CP vợ ông Trần Phước đ chủ hộ, hộ bà Nguyễn Thị H1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1997. Hộ bà Nguyễn Thị H1 có 06 khẩu, gồm: bà Nguyễn Thị H1, ông Trần P, ông Trần T1, ông Trần C, bà Trần Thị Đ, ông Trần Bá H. Tổng diện tích đất nông nghiệp được cân đối theo Nghị định 64/CP của hộ bà Nguyễn Thị H1 là 3.750m^2.

UBND xã H là cơ quan xác nhận, cung cấp các thông tin liên đến thửa đất bị thu hồi của hộ dân (Nguồn gốc sử dụng đất, tình trạng pháp lý...) để Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi có cơ sở lập phương án bồi thường, hỗ trợ. Vì vậy, việc hộ dân có được hưởng các khoản hỗ trợ về ổn định đời sống, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm hay không, kính đề nghị Toà án nhân dân tỉnh yêu cầu cơ quan lập phương án (hoặc phê duyệt phương án) để được làm rõ nội dung này.

**Tại Văn bản số 81/TTPTQĐ-QT&PTQĐ ngày 09/01/2024, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh trình bày:*

Về công tác bồi thường, hỗ trợ của hộ ông Trần P: Hộ ông Trần P, thường trú tại Thôn X, xã H.

Hiện trạng sử dụng thửa đất 521:

- Thửa đất số 521 tờ bản đồ số 3 với diện tích 644,8m^2, loại đất LUC do Công ty cổ phần Đ1 đo vẽ năm 2022 (bản đồ thực hiện dự án). Diện tích thu hồi để thực hiện dự án 514,7m^2, diện tích còn lại 130,1m^2.

Quá trình thực hiện:

- Nguồn gốc đất: Thửa đất được Nhà nước cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Trần P vào ngày 30/3/2015 (thửa đất số 521, tờ bản đồ số 23), diện tích 644,8m^2, loại đất LUC, số GCN BX491960, số vào sổ cấp GCN: CS06916; và được UBND xã H xác nhận tại Bảng xác nhận ngày 11/3/2023, như sau: *"Thửa đất được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất".*

- Trên cơ sở hồ sơ pháp lý trong quá trình khảo sát kiểm kê, các nội dung xác nhận của UBND xã H. Trung tâm đã lập phương án và được UBND huyện N phê duyệt phương án tại quyết định số 2217/QĐ-UBND ngày 10/5/2023; ban hành Quyết định phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Trần P tại Quyết định số 2342/QĐ-UBND ngày 11/5/2023, theo đó, hộ ông Trần P được bồi thường, hỗ trợ với giá trị như sau:

Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ là: 24.242.370 đồng.

Trong đó: Bồi thường về đất: 21.617.400 đồng; bồi thường về cây cối hoa màu: 2.624.970 đồng; Các khoản hỗ trợ: 0 đồng.

- *Về các khoản hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, hỗ trợ ổn định đời sống:* UBND xã H xác nhận ông Trần P là hộ độc lập, cán bộ hưu trí đang hưởng lương tại xác nhận tại Công văn số 123/UBND ngày 24/10/2022 nên không được hỗ trợ theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ T3.

Trên cơ sở Phương án bồi thường, hỗ trợ được UBND huyện N phê duyệt. Trung tâm đã phối hợp với UBND xã H và các hội đoàn thể, cá nhân có liên quan đã tiến hành công khai và vận động để chi trả tiền bồi thường hỗ trợ. Hộ ông yêu cầu được hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, hỗ trợ ổn định đời sống, nhưng qua vận động, giải thích quy định về pháp luật trong công tác bồi thường GPMB, đến nay đối với thửa đất này hộ ông Trần P đã thống nhất nhận tiền bồi thường và bàn giao mặt bằng.

Do đó, các nội dung khởi kiện là các nội dung yêu cầu của hộ ông Trần P tại các cuộc họp vận động và có đơn gửi Trung tâm yêu cầu về việc hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, hỗ trợ ổn định đời sống của hộ ông Trần Phước . Các nội dung yêu cầu này đã được Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh trả lời cụ thể tại Công văn số 1397/TTPTQĐ-QL&PTQĐ ngày 29/6/2023.

**Những người có quyền lợi nghĩa vụ quan: Ông Trần T1, bà Trần Thị Đ, ông Trần C, ông Trần Bá H trình bày:* Ông Trần T1 là một thành viên trong hộ ông Trần P đang trực tiếp canh tác, sử dụng, phụ thuộc vào sản xuất nông nghiệp trên thửa đất 521, tờ bản đồ số 3, xã H. Thửa đất được Nhà nước cấp đổi giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần P thì cha chúng tôi chỉ là người đại diện cho hộ gia đình đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Trần T1 là người có quyền lợi trực tiếp, phải được Nhà nước hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, hỗ trợ ổn định đời sống mới đảm bảo quyền lợi cho hộ ông Trần Phước . Do đó, chúng tôi thống nhất như yêu cầu khởi kiện của cha chúng tôi là ông Trần Phước .

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Sau khi xem xét toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến công khai tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Phước . Về án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] *Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự:* Tại phiên tòa, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Xuân K là người đại diện theo ủy quyền của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi, ông Trần C, bà Trần Thị Đ, ông Trần Bá H đều vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 157, 158 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[1.2] Về đối tượng, thẩm quyền và thời hiệu khởi kiện:

Ngày 08/8/2023 và ngày 30/10/2023, ông Trần P có đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Toà án giải quyết:

- Hủy một phần Quyết định số 2342/QĐ-UBND ngày 11/5/2023 của UBND huyện N về phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Trần P, thường trú thôn X, xã H để thực hiện Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - H, đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021 - 2025, đoạn qua xã H, huyện N (phương án đợt 10); cụ thể hủy tiểu mục 1 mục II phần A và phần D của bảng kê chi tiết giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư kèm theo Quyết định số 2342/QĐ-UBND ngày 11/5/2023 của UBND huyện N.

- Buộc UBND huyện N phải thực hiện nhiện vụ công vụ ban hành quyết định hành chính về phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Trần P, đối với phần hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo đúng quy định của pháp luật.

Nhận thấy quyết định hành chính do ông Trần P khởi kiện là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, còn thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 115 và khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Trong quá trình tham gia tố tụng, mặc dù ông Trần P không khởi kiện đối với quyết định số 2246/QĐ-UBND ngày 10/5/2023 của UBND huyện N về việc thu hồi đất của hộ ông Trần P, thuộc thửa đất số 521, tờ bản đồ số 3, xã H, nhưng xét thấy quyết định số 2246/QĐ-UBND có liên quan đến Quyết định hành chính bị kiện: số 2342/QĐ-UBND ngày 11/5/2023. Do đó, để có căn cứ giải quyết triệt để vụ án nói trên, Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 193 Luật Tố tụng hành chính xem xét tính hợp pháp của Quyết định có liên quan này khi giải quyết vụ án.

[2] ***Xét tính hợp pháp và có căn cứ của quyết định hành chính có liên quan: Quyết định số 2246/QĐ-UBND ngày 10/5/2023***

Thực hiện Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - H, đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021 - 2025, đoạn qua xã H, huyện N, UBND huyện N ban hành Quyết định số 2246/QĐ-UBND ngày 10/5/2023 về việc thu hồi đất của hộ ông Trần P tại thửa đất số 521, tờ bản đồ số 3, xã H, loại đất LUC. Hội đồng xét xử nhận thấy: Ủy ban nhân dân huyện N đã thực hiện thu hồi đất đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền quy định tại khoản 6 Điều 22 và các Điều 62, 66, 68 và Điều 69 Luật Đất đai năm 2013.

[3] ***Xét tính hợp pháp và có căn cứ của Quyết định số 2342/QĐ-UBND ngày 11/5/2023 của UBND huyện N về phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Trần P, thường trú thôn X, xã H để thực hiện Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - H, đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021 - 2025, đoạn qua xã H, huyện N (phương án đợt 10) (gọi tắt Quyết định số 2342/QĐ-UBND)***

[3.1] Về trình tự, thủ tục, thời hạn, thẩm quyền ban hành quyết định

Ngày 04/10/2022, UBND huyện N ban hành Thông báo thu hồi đất số 919/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - H, đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025, đoạn qua xã H, huyện N.

Ngày 10/5/2023, UBND huyện N ban hành Quyết định số 2246/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ ông Trần P, theo đó hộ ông Trần P có thửa đất 521, tờ bản đồ số 3, xã H bị ảnh hưởng phải thu hồi đất.

Ngày 11/5/2023, UBND huyện N ban hành Quyết định số 2342/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Trần P, thường trú thôn X, xã H để thực hiện Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - H, đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021 - 2025, đoạn qua xã H, huyện N (phương án đợt 10) cho hộ ông Trần Phước .

Căn cứ quy định tại Điều 74, Điều 75 và Điều 88 của Luật Đất đai năm 2013, UBND huyện N đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền trong công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất.

[3.2] Khi thực hiện Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - H, đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021 - 2025, đoạn qua xã H, huyện N, thửa đất số 521, tờ bản đồ số 3, xã H do hộ ông Trần P đang sử dụng có diện tích bị thu hồi là 514,7m^2. Căn cứ vào công văn số 123/UBND ngày 24/10/2022 của UBND xã H về việc xác nhận hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp, bảng xác nhận nguồn gốc của các hộ gia đình, cá nhân của UBND xã H lập ngày 11/3/2023, UBND xã H xác nhận, thửa đất 521 có nguồn gốc do *"Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất"* (bút lục 203, 206).

Ngày 10/5/2023, UBND huyện N ban hành Quyết định số 2217/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án, dự toán bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng để thực hiện Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - H, đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021 - 2025, đoạn qua xã H, huyện N (phương án đợt 10); ngày 10/5/2023, UBND huyện N ban hành quyết định số 2246/QĐ-UBND thu hồi đất của hộ ông Trần P và ban hành Quyết định số 2342/QĐ-UBND ngày 11/5/2023 phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Trần P (phương án đợt 10) với tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ là 24.242.370 đồng, trong đó: Bồi thường về đất: 21.617.400 đồng; bồi thường về cây cối hoa màu: 2.624.970 đồng.

Căn cứ khoản 1 Điều 75, khoản 1 Điều 88 Luật Đất đai năm 2013 thì UBND huyện N bồi thường về đất và tài sản trên đất cho hộ ông Trần P là đúng quy định.

[3.3] Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người khởi kiện ông Trần P, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần T1 trình bày: Thửa đất 521, tờ bản đồ số 3, xã H được Nhà nước cân đối theo Nghị định 64/CP cho hộ gia đình ông vào năm 1997, thời điểm giao đất có 6 thành viên, gồm vợ Nguyễn Thị H1, chồng Trần P, các con: T, Trần C, Trần Bá H, Trần Thị Đ, thửa đất là quyền sử dụng chung của gia đình ông, thời điểm được Nhà nước giao đất đến nay có con

trai là Trần T1 trực tiếp sản xuất, có nguồn thu nhập thường xuyên từ thửa đất nông nghiệp này nhưng tại Quyết định số 2342/QĐ-UBND ngày 11/5/2023 về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Trần P, với tổng số tiền 24.242.370 đồng (bồi thường đất 21.617.400 đồng với đơn giá 42.000 đồng/m^2 và bồi thường cây lúa 2.624.970 đồng), UBND huyện N không hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho gia đình ông là không đúng quy định của pháp luật, gây ảnh hưởng đến quyền lợi cho gia đình ông Trần Phước . Đối với UBND huyện N, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Q lại cho rằng: Trên cơ sở xác nhận tại Công văn số 123/UBND ngày 24/10/2022 của UBND xã H, ông Trần P là hộ độc lập, cán bộ hưu trí đang hưởng lương nên không được đủ điều kiện được hỗ trợ theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ T3; Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.3.1] Xét ý kiến của ông Trần P, ông Trần T1, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo hồ sơ địa chính qua các thời kỳ do UBND xã H cung cấp thể hiện: Nguyên thửa đất số 521, tờ bản đồ số 3, xã H, đối chiếu qua bản đồ địa chính 299/TTg thuộc thửa đất số 632, tờ bản đồ số 8, xã H, diện tích 3200m^2, loại đất 2L (bút lục 162); theo Sổ mục kê ruộng đất mẫu 5a, trang số 56, quyển số 1, lập ngày 20/8/1985, thửa đất 632 do Hợp tác xã N đăng ký kê khai (bút lục 158).

Theo bản đồ địa chính lập năm 1999 thuộc thửa đất số 632, tờ bản đồ số 8, xã H, diện tích 1990m^2, loại đất 2L (bút lục 162); theo Sổ dã ngoại năm 2005, thửa đất 632 do bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị H1 (chồng Trần P), ông Đỗ Quang P1 cùng chung đăng ký kê khai (bút lục 160).

Thực hiện Nghị định 64/CP, hộ bà Nguyễn Thị H1 được Nhà nước cân đối giao thửa đất 632, tờ bản đồ số 8, xã H, diện tích 600m^2, loại đất LUC và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu vào năm 1997 cho hộ bà Nguyễn Thị H1. Thời điểm cân đối, hộ bà Nguyễn Thị H1 có 06 nhân khẩu, gồm: bà Nguyễn Thị H1, ông Trần P, ông Trần T1, ông Trần C, ông Trần Bá H, bà Trần Thị Đ.

Ngày 30/3/2015, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T2 cấp đổi theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 521, tờ bản đồ số 23, xã H, diện tích 644,8m^2, loại đất: đất chuyên trồng lúa nước cho hộ ông Trần Phước .

Đối chiếu qua bản đồ đo đạc phục vụ dự án Cao tốc Bắc - Nam thuộc thửa đất 521, tờ bản đồ số 3, xã H, ông Trần P là cá nhân đăng ký kê khai, tại thời điểm thu hồi đất ông Trần T1 là cá nhân đang trực tiếp sản xuất tại thửa đất 521.

Trong quá trình thực hiện bồi thường, hỗ trợ, UBND xã H đã xác lập danh sách các hộ hiện nay đang hưởng lương hưu, cán bộ, công chức đang hưởng lương được giao đất theo Nghị định 64/CP, tại mục thành viên có tại thời điểm giao đất theo Nghị định 64/CP thể hiện: *"Hộ bà Nguyễn Thị H1 (vợ ông Trần P) được giao đất theo Nghị định 64/NĐ-CP. Sau khi bà H1 chết, ông Trần P đứng tên trong GCNQDĐ, ông Trần Phước h đang hưởng hưu trí; tại thời điểm giao đất theo Nghị*

định 64/CP có ông Trần T1, hiện nay ông Trần T1 đang sản xuất trên thửa đất này" (bút lục 167).

Theo Công văn số 123/UBND ngày 24/10/2022 của UBND xã H về việc xác nhận hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp: *"...Hiện nay ông Trần T1 là con trai ông Trần P, đã tách hộ riêng nhưng đang ăn chung, ở chung nhà và sản xuất nông nghiệp trực tiếp trên diện tích đất của ông Trần P và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp tại địa phương"* (bút lục 203).

Mặt khác, theo quy định tại khoản 29 Điều 3 Luật Đất đai năm 2013 quy định: "*Hộ gia đình sử dụng đất là những người có quan hệ hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, đang sống chung và có quyền sử dụng đất chung tại thời điểm được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất; nhận chuyển quyền sử dụng đất"* thì thửa đất số 521, tờ bản đồ số 3, xã H có nguồn gốc được Nhà nước giao theo Nghị định 64/CP cho hộ bà Nguyễn Thị H1 (vợ ông Trần P); thửa đất số 521, tờ bản đồ số 3, xã H được cấp GCNQSD đất lần đầu vào năm 1997 cho hộ bà Nguyễn Thị H1 có số thửa đất 632, tờ bản đồ số 8, xã H; thời điểm giao đất nông nghiệp ông Trần P, ông Trần T1 đều là thành viên thuộc hộ bà Nguyễn Thị H1, họ có chung quyền sử dụng đất đối với thửa đất 632, tờ bản đồ số 8, xã H. Sau khi bà Nguyễn Thị H1 chết, trên cơ sở GCNQSD đất lần đầu vào năm 1997; ngày 15/4/2014, ông Trần P đại diện hộ gia đình có đơn đề nghị cấp đổi GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác trên đất đối với thửa đất 632; tại đơn ngày 15/4/2014, ông Trần P kê khai nguồn gốc đất *"cấp theo Nghị định 64/CP"*, UBND xã H xác nhận *"đất cấp theo Nghị định 64/CP sử dụng ổn định không có tranh chấp, đủ điều kiện cấp đổi GCNQSD đất, diện tích 644,8m^2 tăng do sai số đo đạc"*; ngày 30/3/2015, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T2 cấp GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 521, tờ bản đồ số 23 đối với hộ ông Trần Phước . Mặc dù tại thời điểm Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T2 cấp GCNQSD đất cho hộ ông Trần P, ông Trần P đăng ký hộ khẩu riêng, hộ ông Trần P chỉ có một thành viên là ông Trần P, nhưng xét về nguồn gốc đất, thửa đất 521 được cấp đổi từ hộ bà Nguyễn Thị H1 sang cho hộ ông Trần P nên quyền lợi đối với các thành viên khác trong hộ bà Nguyễn Thị H1 (trong đó có ông Trần T1) vẫn phải được đảm bảo theo quy định của pháp luật. Quá trình cấp đổi GCNQSD đất và sử dụng thửa đất 521 ông Trần T1 là cá nhân trực tiếp sử dụng đất và có nguồn thu nhập ổn định từ thửa đất 623 (nay là thửa đất 521) và được UBND xã H xác nhận tại Công văn số 123/UBND ngày 24/10/2022.

Do đó, ông Trần P, ông Trần T1 trình bày thửa đất 521, tờ bản đồ số 3, xã H là đất được giao theo Nghị định 64/CP cho hộ gia đình ông Trần P, ông Trần T1 là thành viên được giao đất, sử dụng trực tiếp trên đất từ thời điểm được giao cho đến thời điểm thu hồi, bồi thường nhưng UBND huyện N không hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình ông Trần P, trong đó có ông Trần T1 là có căn cứ.

[3.3.2] Xét ý kiến của UBND huyện N, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi cho rằng UBND xã H xác nhận ông Trần P là hộ độc lập, cán bộ hưu trí đang hưởng lương nên không được hỗ trợ theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ T3; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Thời điểm UBND huyện N thu hồi thửa đất 521, tờ bản đồ số 3, xã H do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T2 cấp đổi GCNQSD đất vào ngày 30/3/2015 đối với hộ ông Trần P; mặc dù hộ ông Trần P chỉ có một thành viên là ông Trần P nhưng thửa đất 521 về nguồn gốc là đất được giao theo Nghị định 64/CP cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị H1 (vợ ông Trần P). Việc ông Trần P đứng tên trong GCNQSD đất ngày 30/3/2015 là đại diện hộ gia đình được giao đất theo Nghị định 64/CP sau khi bà H1 chết, thửa đất vẫn là tài sản chung của hộ gia đình và ông Trần T1 là cá nhân thuộc hộ gia đình bà Nguyễn Thị H1, ông Trần T1 sử dụng thửa đất trên từ thời điểm được giao đất đến thời điểm UBND huyện N thu hồi để thực hiện dự án vào năm 2023, có nguồn thu nhập thường xuyên từ sản xuất nông nghiệp trên diện tích đất đang sử dụng; ông Trần T1 không thuộc đối tượng được hưởng lương thường xuyên, đối tượng đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp xã hội.

Mặt khác, tại Công văn số 1096/UBND ngày 21/5/2024 của UBND huyện N, công văn số 71/UBND ngày 07/5/2024 của UBND xã H, UBND huyện N, UBND xã H đều xác nhận, thửa đất số 521, tờ bản đồ số 3, xã H được Nhà nước giao đất theo Nghị định 64/CP cho hộ bà Nguyễn Thị H1 (vợ ông Trần P), thời điểm giao đất theo Nghị định 64/CP, hộ bà Nguyễn Thị H1 (vợ ông Trần P) gồm 6 khẩu, trong đó có ông Trần P và ông Trần T1, ông Trần T1 là cá nhân đang sử dụng trực tiếp thửa đất nêu trên. Nên việc UBND huyện N căn cứ vào xác nhận của UBND xã H tại Công văn số 123/UBND ngày 24/10/2022 cho rằng ông Trần T1 đã tách khẩu ở riêng; vào thời điểm thu hồi, bồi thường hộ ông Trần P là hộ độc lập, hộ khẩu chỉ có ông Trần P, cán bộ hưu trí hưởng lương hưu; từ đó ban hành Quyết định số 2342/QĐ-UBND ngày 11/5/2023 không áp dụng hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ ông Trần P, trong đó có cá nhân ông Trần T1 là thành viên trong hộ được giao đất nông nghiệp, người đang trực tiếp sản xuất trên thửa đất 521, tờ bản đồ số 521 tại thời điểm Nhà nước giao đất theo Nghị định 64/CP và tại thời điểm thu hồi, bồi thường, hỗ trợ là không đúng quy định của pháp luật.

[3.4] Xét thấy, hộ ông Trần P bị thu hồi thửa đất 521, tờ bản đồ số 3, xã H, diện tích thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng, thửa đất bị thu hồi được Nhà nước giao theo Nghị định 64/CP, thành viên được giao đất nông nghiệp là ông Trần T1 hiện đang sản xuất trực tiếp nông nghiệp trên thửa đất này, được UBND xã H xác nhận tại Công văn số 123/UBND ngày 24/10/2022 nên hộ ông Trần P (trong đó có ông Trần T1) đảm bảo đủ điều kiện hưởng hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định tại

điểm a Khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (sửa đổi bổ sung tại khoản 5, 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017); điểm a khoản 3 Điều 5 Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 (sửa đổi bổ sung tại Điều 4 Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021); Điều 14, Điều 15 quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh Q.

[3.5] Do đó, ông Trần P yêu cầu hủy một phần quyết định số 2342/QĐ-UBND ngày 11/5/2023 của UBND huyện N, phần hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Do có căn cứ hủy một phần quyết định số 2342/QĐ-UBND ngày 11/5/2023 của UBND huyện N nên ông Trần P yêu cầu buộc UBND huyện N phải thực hiện nhiện vụ công vụ ban hành quyết định hành chính về phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Trần P đối với phần hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo đúng quy định của pháp luật là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Phước .

[6] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa đúng quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[6] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông Trần P được chấp nhận nên UBND huyện N phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, khoản 1 Điều 348 Luật Tố tụng hành chính; khoản 6 Điều 22 và các Điều 62, 66, 68, 69, 74, 75, 83 và Điều 88 Luật Đất đai năm 2013; điểm a Khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (sửa đổi bổ sung tại khoản 5, 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017); điểm a khoản 3 Điều 5 Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 (sửa đổi bổ sung tại Điều 4 Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021); Điều 14, Điều 15 quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh Q; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần P:

- Hủy một phần Quyết định số 2342/QĐ - UBND ngày 11/5/2023 của UBND huyện N về phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Trần P, thường trú thôn X, xã H để thực hiện Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - H, đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc-Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025, đoạn qua xã H, huyện N (phương án đợt 10); cụ thể hủy tiểu mục 1 mục II phần A và phần D của bản kê chi tiết giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư kèm theo Quyết định số 2342/QĐ-UBND ngày 11/5/2023 của UBND huyện N.

- Buộc UBND huyện N phải thực hiện nhiện vụ công vụ ban hành quyết định hành chính về phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Trần P, đối với phần hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về án phí sơ thẩm: Ủy ban nhân dân huyện N phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Hoàng Thị Mai Hạnh